

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
QUẾ PHONG
QUE PHONG
HYDROPOWER JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 22.07/2026/NQ-HĐQT

No: 22.07/2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026

Nghệ An, July 22th, 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900687702 ngày 01/7/2026, do Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the Certificate of business registration No 2900687702 dated July 01, 2026 issued by the Department of Finance of Nghe An Province, we would like to announce the change in the Certificate of business registration as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong/ Que Phong Hydropower Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: QPH
- Địa chỉ/Address: Bản Đồn Cón, xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An/ Don Con Village, Que Phong Commune, Nghe An Province
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02383.885.709 (886.296) Fax: 02383.885.215
- E-mail:
- Website: <http://thuydienquephong.com.vn>

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:

1.1 Địa chỉ trụ sở chính: Bản Đồn Cón, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

Head office address: Don Con Village, Muong Noc Commune, Que Phong District, Nghe An Province

1.2 Địa chỉ người đại diện theo Pháp luật: Phòng B0810, tháp B, tòa nhà Golden Palace, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Legal representative's address: Room B0810, Tower B, Golden Palace Building, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

1.3 Ngành nghề đăng ký kinh doanh/ *Registered business lines*

STT/No	Tên ngành/ <i>Name of business line</i>	Mã ngành/ <i>Business activity code</i>
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng <i>Electric power generation, transmission and distribution</i> <i>Details: Power generation and trading</i>	3510
2	Sản xuất bê tông và sản xuất các sản phẩm từ bê tông và thạch cao Chi tiết: Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng <i>Manufacture of concrete and concrete and plaster products</i> <i>Details: Manufacture and trading of construction materials</i>	2395
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản <i>Quarrying of stone, sand, gravel and clay</i> <i>Details: Exploration, extraction, processing, and trading of minerals</i>	0810
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biêt áp đến 220kV <i>Construction of other civil engineering projects</i> <i>Details: Construction of power transmission lines and substations up to 220kV</i>	4290
5	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy thủy điện <i>Repair of other equipment</i> <i>Details: Repair and maintenance of hydropower plants</i>	3319
6	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành Nhà máy điện <i>Vocational education</i> <i>Details: Training of power plant operators</i>	8532
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành <i>Short-stay accommodation services</i> <i>Details: Hotel operation and travel tour services</i>	5510
8	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản <i>Silviculture and other forestry activities</i> <i>Details: Afforestation, processing, and trading of forest products</i>	0210
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi.	6810

	<i>Real estate activities with own, leased or rented property Details: Real estate business; investment and construction of hydropower, civil, industrial, transportation, and irrigation works</i>	
--	---	--

2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change:*

2.1 Địa chỉ trụ sở chính: Bản Đôn Cón, xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An

Head office address: Don Con Village, Que Phong Commune, Nghe An Province

2.2 Địa chỉ người đại diện theo Pháp luật: BT1 B72, KĐT Splendora Bắc An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Legal representative's address: BT1 B72, Splendora Bac An Khanh Urban Area, Hanoi City, Vietnam

2.3 Ngày nghề đăng ký kinh doanh/ *Registered business lines:*

STT/No	Tên ngành/ <i>Name of business line</i>	Mã ngành/ <i>Business activity code</i>
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản <i>Quarrying of stone, sand, gravel and clay Details: Exploration, extraction, processing, and trading of minerals</i>	0810
2	Lắp đặt hệ thống điện <i>Electrical installation</i>	4321
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng, thạch cao. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng <i>Manufacture of concrete and concrete, cement and plaster products Details: Manufacture and trading of construction materials</i>	2395
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây và trạm biế áp đến 220kV <i>Construction of other civil engineering projects Details: Construction of power transmission lines and substations up to 220kV</i>	4299
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi. <i>Real estate activities with own, leased or rented property Details: Real estate business; investment and construction of hydropower, civil, industrial, transportation, and irrigation works</i>	6810
6	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy thủy điện	3319



	<i>Repair of other equipment</i> <i>Details: Repair and maintenance of hydropower plants</i>	
7	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo công nhân vận hành Nhà máy điện <i>Other education not elsewhere classified</i> <i>Details: Training of power plant operators</i>	8559
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn, trách địa công trình, chứng nhận sự phù hợp công trình xây dựng - Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp (cầu, đường bộ), thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp dưới 35kV, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, điện chiếu sáng, điện – điện tử viễn thông, mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng, hệ thống điều hòa thông gió không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, phòng chống môi công trình. - Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường bộ), thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, điện chiếu sáng, điện – điện tử viễn thông, mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng, hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng, thi công tu bổ và phục hồi di tích, xử lý nền móng công trình. - Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình, giao thông (cầu, đường bộ), thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện, thiết kế nội và ngoại thất công trình. <i>Architectural and engineering activities and related technical consultancy</i> <i>Details:</i> - <i>Consultancy on geological, topographical, hydrological, and engineering surveying; structural conformity certification</i> - <i>Architectural design consultancy for works</i> - <i>Consultancy on design, review of technical design documentation, and total cost estimation for civil, industrial (bridges, roads), irrigation, hydropower, technical infrastructure projects, power transmission lines and substations under 35kV, civil and industrial electrical systems, lighting power, electrical–electronic telecommunications, communication networks in construction works, air-conditioning and ventilation systems, fire prevention and fighting systems, and termite control for works</i> - <i>Construction and finishing supervision consultancy for civil, industrial, transportation (bridges, roads), irrigation, hydropower, technical infrastructure projects, power transmission lines and substations, civil and industrial electrical systems, lighting power,</i>	7110

	<i>electrical–electronic telecommunications, communication networks in construction works, fire prevention and fighting systems, monument restoration and renovation works, and building foundation treatment</i> <i>- Consultancy on construction planning design, architectural design, transportation design (bridges, roads), irrigation and hydropower work design, and interior and exterior design</i>	
9	Khách sạn và Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, du lịch lữ hành <i>Hotels and short-stay accommodation services</i> <i>Details: Hotel operation and travel tour services</i>	5510
10	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo <i>Electric power generation from non-renewable energy sources</i>	3511
11	Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện, điện tử, cơ khí, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thanh, truyền hình <i>Installation of industrial machinery and equipment</i> <i>Details: Installation of electrical, electronic, mechanical, postal and telecommunication, information technology, broadcasting, and television equipment</i>	3320
12	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo <i>Electric power generation from renewable energy sources</i>	3512 (Chính/Main)
13	Truyền tải và phân phối điện <i>Electric power transmission and distribution</i>	3513
14	Xây dựng nhà để ở <i>Construction of residential buildings</i>	4101
15	Xây dựng nhà không để ở <i>Construction of non-residential buildings</i>	4102
16	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Trồng rừng, chế biến, mua bán lâm sản <i>Silviculture and other forestry activities</i> <i>Details: Afforestation, processing, and trading of forest products</i>	0210

3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any): Cập nhật lại thông tin địa chỉ theo đơn vị hành chính mới và Cập nhật mã ngành đăng ký kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Updating address information in accordance with new administrative units and updating registered business sector codes pursuant to Decision No. 36/2025/QĐ-TTg dated September 29, 2025 of the Prime Minister on the promulgation of the Vietnam Standard Industrial Classification

4. Ngày có hiệu lực/Effective date: 01/7/2026 / July 01, 2026

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/*Receipt date of new certificate of business registration: 21/7/2026 / July 21, 2026*

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/7/2026 tại đường dẫn: <http://thuydienquephong.com.vn>

This information was published on the Company's website on July 22, 2026 at the link: <http://thuydienquephong.com.vn>

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thái Hưng